TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/HC-PT
Ngày: 29/01/2026
"V/v: Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Phạm Văn Lợi.

- Thư ký Tòa án: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội: Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính Thụ lý số 257/2025/TBTL-HC ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2025/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 754/2026/QĐPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Đỗ Thị Đ, địa chỉ trước đây: thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên (địa chỉ hiện nay là thôn Đ, xã H, tỉnh Hưng Yên); có mặt.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Hưng Yên); vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Đỗ Thị N và anh Giang Văn H, địa chỉ trước đây: thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên (địa chỉ hiện nay là thôn Đ, xã H, tỉnh Hưng Yên); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Đỗ Thị Đ *trình bày:*

Bà khởi kiện đối với UBND huyện K và Chủ tịch UBND huyện K về việc ban hành Văn bản số 1092/UBND-TNMT ngày 12/11/2020 (sau đây gọi tắt là Văn bản số 1092) về việc trả lời đơn của bà.

Bà cho rằng Văn bản số 1092 có hình thức, thẩm quyền và nội dung trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, cụ thể:

Về hình thức:

Văn bản này chứa đựng nội dung giải quyết tố cáo nhưng không ban hành dưới dạng "Kết luận nội dung tố cáo" hoặc "Thông báo kết luận nội dung tố cáo" theo quy định của Luật Tố cáo năm 2018 và Thông tư số 06/2013/TT-TTCP. Ngoài ra, văn bản này chứa đựng nội dung của một quyết định hành chính "chấm dứt việc tiếp, xem xét, giải quyết đơn của bà Đ" nhưng lại được ban hành dưới dạng văn bản trả lời đơn, là không đúng pháp luật, xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo của bà.

Về thẩm quyền: Văn bản do ông Đỗ Văn T – Chánh Văn phòng ký thừa lệnh Chủ tịch là không đúng thẩm quyền, vì theo Luật Tố cáo năm 2018, Chủ tịch UBND cấp huyện là người có thẩm quyền giải quyết tố cáo và phải trực tiếp ban hành kết luận nội dung tố cáo.

Về nội dung:

Văn bản số 1092 nhận định việc TAND huyện Khoái Châu tạm đình chỉ giải quyết vụ án hành chính năm 2011 của bà là do đơn khởi kiện không có căn cứ là phiến diện, không phù hợp pháp luật. Việc tạm đình chỉ là do Tòa án chưa nhận được kết quả giải quyết từ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K.

Văn bản số 1092 viện dẫn Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 20/7/2018 của TAND huyện Khoái Châu và Bản án hành chính phúc thẩm số 04/2018/HC-PT ngày 21/11/2018 của TAND tỉnh Hưng Yên để cho rằng các nội dung tố cáo của bà Đ đã được giải quyết là không đúng. Bà Đ khẳng định các bản án trên chỉ giải quyết hành vi lấn chiếm đất giai đoạn 2015-2016, trong khi đơn tố cáo ngày 05/10/2020 của bà liên quan đến hành vi lấn chiếm đất mới phát sinh từ tháng 11/2019 đến tháng 8/2020, là vi phạm hành chính mới, độc lập.

Bà cũng cho rằng hai Bản án số 01/2018/HC-ST và số 04/2018/HC-PT có sai sót, bỏ sót yêu cầu khởi kiện, giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện, sai lầm trong áp dụng pháp luật và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Từ đó, bà Đỗ Thị Đ đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết:

- Hủy Văn bản số 1092/UBND-TNMT ngày 12/11/2020 của UBND huyện K.
- Yêu cầu UBND huyện K và Chủ tịch UBND huyện K giải quyết các Đơn tố cáo và đề nghị của bà (từ lần 1 đến lần 7 theo Luật Tố cáo và Luật Khiếu nại).
- Buộc UBND huyện K và Chủ tịch UBND huyện K phải thực hiện nhiệm vụ công vụ trong giải quyết tố cáo.

- Thông báo, trả lời cho bà biết kết quả giải quyết đơn tố cáo và đề nghị của bà.

Quan điểm của người bị kiện theo Biên bản xác minh ngày 14/8/2023 và các tài liệu liên quan:

UBND huyện K đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Đ.

UBND huyện K khẳng định Văn bản số 1092 được ban hành là đúng quy định của pháp luật. Cụ thể:

Nội dung tố cáo của bà Đỗ Thị Đ liên quan đến việc ông Nguyễn Văn C (Chủ tịch UBND xã Đ) không nhận và giải quyết đơn, không xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi lấn chiếm đất ao của gia đình bà Đỗ Thị N và anh Giang Văn H đã được Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét xử tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 20/7/2018 và Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử tại Bản án hành chính phúc thẩm số 04/2018/HC-PT ngày 21/11/2018.

Cả hai bản án này đều quyết định "*Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Đỗ Thị Đ về việc ông Nguyễn Văn C – Chủ tịch UBND xã không nhận, giải quyết đơn khiếu nại của bà và không xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi hành chính lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép của gia đình bà N*".

UBND huyện K cho rằng những nội dung tố cáo của bà Đỗ Thị Đ đối với Chủ tịch UBND xã Đ đã được hai bản án có hiệu lực pháp luật khẳng định là không có căn cứ. Do đó, việc Chủ tịch UBND huyện ban hành Văn bản số 1092 để trả lời bà Đ và chấm dứt việc tiếp, xem xét, giải quyết đơn của bà liên quan đến những nội dung đã được Tòa án giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Giang Văn H có quan điểm:

Anh không biết và không liên quan đến việc Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Văn bản số 1092 về nội dung gì. Bản thân anh, bà N và gia đình không liên quan đến việc này.

Ngày 21/9/2023, TAND tỉnh Hưng Yên ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính.

Không đồng ý với quyết định nêu trên, bà Đ đã kháng cáo.

Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 66/2024/QĐPT-HC ngày 12/6/2024 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội đã hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 06/2023/QĐST-HC ngày 21/9/2023 của TAND tỉnh Hưng Yên và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Sau khi Tòa án thụ lý lại vụ án, người khởi kiện có đơn từ chối đối thoại và đề nghị xét xử vắng mặt.

Tòa án đã mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại. Tuy nhiên, các đương sự đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành đối thoại được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2025/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Căn cứ: Điều 5, 8, 12, 13, 22, 23, 26 Luật tố cáo; khoản 1, 2, 9 Điều 3, Điều 30, 32, 55, 56, 115, 116, 191, 193, 194 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Đ về việc yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 1092/UBND-TNMT ngày 12/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện K; yêu cầu UBND huyện K và Chủ tịch UBND huyện K giải quyết các Đơn tố cáo và đề nghị của bà (từ lần 1 đến lần 7) theo quy định của Luật Tố cáo và Luật Khiếu nại; buộc UBND huyện K, Chủ tịch UBND huyện K phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong giải quyết tố cáo và thông báo, trả lời cho người khởi kiện kết quả tố cáo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn giải thích về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/8/2025, người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Đỗ Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ, trình bày: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã có các thiếu sót, sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, làm xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi. Việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của tôi là không có căn cứ, trái pháp luật, vượt quá phạm vi khởi kiện và cùng với việc nhận định tại bản án sơ thẩm thì TAND tỉnh Hưng Yên cùng UBND xã Đ và UBND huyện K đã công nhận và tiếp tay cho việc vi phạm pháp luật, công nhận và hợp pháp hóa cho hành vi lấn chiếm đất đai của gia đình bà N, là hành vi trái pháp luật mà đã được TAND cấp cao tại Hà Nội nhận định, đánh giá tại Quyết định số 66 ngày 12/6/2024, gây ra việc pháp luật không được chấp hành thống nhất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến của đương sự có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị Đ; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị Đ trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2]. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Luật tố cáo.

[1.3]. Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 157; khoản 2, 3 Điều 158; Điều 225 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2]. Xét nội dung đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị Đ, về việc hủy Văn bản số 1092/UBND-TNMT ngày 12/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện K. Hội đồng xét xử, thấy:

[2.1] Ngày 06/8/2009, bà Đỗ Thị Đ làm đơn kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất ao có tứ cận, phía Đông giáp đường cái, phía Tây giáp đất của gia đình bà N, phía Bắc giáp đất của chị T1, phía Nam giáp đường đất nội bộ. Theo bà Đ, gia đình bà đã quản lý, sử dụng và tăng gia sản xuất ổn định từ trước khi vào Hợp tác xã đến nay; trước đây diện tích ao này liền với diện tích đất ở của gia đình bà, khi tham gia vào hợp tác xã, gia đình bà đã cắt ra một phần diện tích phía ngoài giáp ao đưa vào Hợp tác xã (diện tích này sau đó được giao cho gia đình bà N). Quá trình sử dụng, gia đình bà vẫn kê khai nộp thuế sử dụng đất, nhưng sau do thoát nước thải sinh hoạt gây ô nhiễm nên việc tăng gia sản xuất của gia đình bị ảnh hưởng, gia đình không nộp thuế và cũng chưa kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích ao này. Nay bà đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà.

Tuy nhiên, theo cung cấp của UBND huyện K, năm 2010, sau khi bà Đ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20, diện tích 171m^2 theo hồ sơ Vlap. Theo hồ sơ địa chính các thời kỳ do UBND xã Đ quản lý, đây là diện tích mương tiêu nước của tập thể, không phải đất của hộ gia đình bà Đ nên không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Đ khiếu nại và đã được Chủ tịch UBND xã Đ giải quyết khiếu nại lần 1. Bà Đ tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện K và được Chủ tịch UBND huyện K giải quyết tại

Quyết định số 4954[A]/QĐ-CT ngày 04/10/2011, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã Đ. Không nhất trí với các quyết định trên, bà Đ khởi kiện tại TAND huyện Khoái Châu, đề nghị công nhận quyền sử dụng thửa đất cho bà. Trong quá trình giải quyết, TAND huyện Khoái Châu ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án.

Đến ngày 31/10/2016, bà Đ khởi kiện Chủ tịch UBND xã Đ về hành vi không hành động là hành vi không nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và không thực hiện nhiệm vụ xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi lấn chiếm đất xây dựng cầu, tường bao, cổng, trồng cây và làm sân của gia đình bà Đỗ Thị N thực hiện từ tháng 10/2015 đến tháng 12/2016 trên diện tích đất ao lấn chiếm của gia đình bà.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 20/7/2018 của TAND huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã quyết định *"Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Đỗ Thị Đ về việc ông Nguyễn Đình C1 – Chủ tịch UBND xã Đ không nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại của bà và không xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép của gia đình bà N"*. Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, bà Đ đã làm đơn kháng cáo.

Tại bản án hành chính phúc thẩm số 04/2018/HC-PT ngày 21/11/2018 của TAND tỉnh Hưng Yên đã nhận định *"Các đơn thư khiếu nại, tố cáo của bà Đỗ Thị Đ gửi Chủ tịch UBND xã Đ đề nghị giải quyết đều có liên quan đến tranh chấp đất đai đối với diện tích đất trước cửa gia đình bà Đỗ Thị N tại xóm Đ, thôn Đ, xã Đ và đã phát sinh từ lâu. Theo đó, bà Đ cho rằng phần đất trước nhà bà N là ao của gia đình bà Đ vẫn sử dụng từ năm 1957 đến nay, còn trong hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính do UBND xã Đ quản lý, theo bản đồ 299, bản đồ 1993 và bản đồ Vlap đo năm 2009 thì phần đất trước cửa nhà bà N mà bà Đ nhận là ao của gia đình bà là không đúng, mà đó là phần mương thủy lợi trước đây do Hợp tác xã nông nghiệp quản lý, còn theo Luật đất đai năm 1993 thì đó là phần mương nước của tập thể do UBND xã Đ quản lý; trên các bản đồ 299, 1993 và Vlap 2009 thì có các số thửa khác nhau và diện tích qua mỗi lần đo đạc đều có sự thay đổi. Thực tế qua xem xét thẩm định tại chỗ thì thấy phần đất phí trước cửa nhà bà N hiện tại là một đoạn mương thoát nước thải sinh hoạt của khu dân cư thôn Đ, xã Đ, dưới lòng mương có nhiều cây khoai ngứa, dây rau muống và một số loại thực vật khác mọc tự do; phần đầu ngõ nhà bà N đi ra đường có một cống thoát nước từ khu dân cư chảy vào phần mương nước và chạy dọc chạy song song đường giao thông liên thôn đi qua thôn Đ, xã Đ. Kết quả xác minh tại UBND xã Đ, cán bộ địa chính xã, trưởng thôn và phó thôn Đ đều xác định đây là mương nước của tập thể để thoát nước các khu ruộng và nước sinh hoạt của khu dân cư phía đông chảy về phía tây thoát qua cống chảy qua đường nhựa để thoát nước đi, chứ không phải là ao của gia đình bà Đ. Trước đây, do gia đình bà Đ ở gần đó nên có ra mương nước này tăng gia, trồng dọc khoai, thả bèo chăn nuôi, chứ không nuôi trồng thủy sản được. Từ trước đến nay, trong các bản đồ, hồ sơ địa chính do UBND xã Đ quản lý thì về mặt pháp lý mương nước này chưa bao giờ là của gia đình bà Đ và bà Đ cũng không có giấy tờ, tài liệu gì để chứng minh đó là ao của*

gia đình bà Đ. Thời gian trước đây, từ năm 2010 bà Đ cũng đã có nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo về việc gia đình bà N xây bờ tường lấn đất ao của bà Đ và đã được UBND xã giải quyết nhiều lần, kể cả đo đạc lại diện tích đất của gia đình bà N đang ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thấy tường xây giáp mương nước của gia đình bà N được xây trong phần đất của gia đình bà N, không lấn chiếm ra mương nước như đơn tố cáo của bà Đ". Như vậy, với các tình tiết được nhận định nêu trên, cùng với việc TAND huyện Khoái Châu đang tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện công nhận quyền sử dụng đối với phần đất ao của bà Đ thì chưa đủ căn cứ xác định mương trước cửa gia đình bà N là thuộc quyền sử dụng của bà Đ.

[2.2] Đối với khiếu kiện Chủ tịch UBND xã Đ không hành động để xử lý vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất đai của gia đình bà N, anh H, Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên đã nhận định *"Năm 2015, gia đình bà N, anh Giang Văn H có xây mố cầu phía ngoài mương nước giáp vào bờ tường bao của gia đình anh H để lao hai dầm cầu sang đường bê tông liên thôn để mở lối đi từ nhà ra đường liên thôn cho tiện, bà Đ đã có đơn thư khiếu nại, tố cáo gửi Chủ tịch UBND xã Đ và ngày 03/12/2015, ông Nguyễn Văn C – Chủ tịch UBND xã Đ cùng các bộ chuyên môn của UBND xã đã đến trực tiếp lập biên bản làm việc với anh Giang Văn H (con bà N) dừng ngay việc đặt cầu cống trên phần mương nước khi chưa có kết luận của Tòa án giải quyết việc tranh chấp mương tiêu nước thuộc xóm Đ, thôn Đ, xã Đ và yêu cầu anh H phải thu dọn 02 thanh dầm bê tông bắc qua mương nước. Ngày 24/3/2016, ông Nguyễn Văn C cùng cán bộ UBND xã Đ chỉ đạo giải quyết lập biên bản yêu cầu anh H di chuyển dầm cầu bắc qua mương tiêu nước và anh H đã tự nguyện tháo dỡ dầm cầu khôi phục lại hiện trạng ban đầu, riêng phần mố cầu thì anh H cũng đã tháo dỡ xuống cách mặt mương nước 50cm và không ảnh hưởng gì đến dòng chảy của mương tiêu nước"*. Như vậy, Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên chỉ kết luận gia đình bà N, anh H xây mố cầu để lao hai dầm cầu sang đường bê tông liên thôn để mở lối đi, còn các hành vi khác mà bà Đ đang tố cáo gia đình bà N xây tường bao, cổng, trồng cây và làm sân là không có căn cứ. Từ đó, TAND tỉnh Hưng Yên bác kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của TAND huyện Khoái Châu.

[2.3] Tại các Đơn tố cáo và đề nghị lần 1 ngày 14/5, lần 2 ngày 13/7, lần 3 ngày 27/7, lần 4 ngày 30/7, lần 5 ngày 25/8 và lần 6 ngày 05/10/2020, bà Đ tố cáo và đề nghị Chủ tịch UBND xã Đ tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với gia đình bà Đỗ Thị N và anh Giang Văn H đã lấn chiếm đất ao của gia đình bà trong thời điểm từ tháng 11/2019 đến tháng 8/2020.

Ngày 12/11/2020, Chủ tịch UBND huyện K ban hành Văn bản số 1092 về việc trả lời đơn của bà Đỗ Thị Đ, xóm Đ, xã Đ. Về lý do ban hành Văn bản số 1092 thể hiện *"UBND huyện K nhận được Công văn số 08-CV/HU ngày 19/10/2020 của Huyện ủy K kèm theo Công văn số 595-PC/UBKTTU ngày 08/10/2020 của Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy H1 cùng đơn của bà Đỗ Thị Đ. Nội dung đơn tố cáo ông Nguyễn Văn C không nhận và giải quyết đơn của bà, không xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi lấn chiếm đất ao của gia đình bà để xây dựng cầu, tường bao, cổng, trồng cây và làm sân của gia đình bà Đỗ Thị N và*

con trai là Giang Văn H”. Như vậy, sau khi TAND tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm vụ án hành chính vào ngày 21/11/2018 đối với khiếu kiện của bà Đ về việc Chủ tịch UBND xã Đ không nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại của bà và không xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép của gia đình bà N thì bà Đ lại tiếp tục tố cáo Chủ tịch UBND xã Đ không nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của bà và không xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính lấn chiếm đất đai của gia đình bà N. Các nội dung tố cáo này của bà Đ vào năm 2020 vẫn liên quan đến thửa đất ao mà bà Đ đang cho rằng là của gia đình bà và bà tố cáo gia đình bà N lấn chiếm, xây dựng công trình trên phần đất này, tức là giống với các nội dung khiếu nại của bà Đ ở thời điểm năm 2016; chỉ khác về thời gian lấn chiếm khi bà Đ cho rằng gia đình bà N tiếp tục có hành vi lấn chiếm đất từ tháng 11/2019. Tuy nhiên, các hành vi mà bà Đ tố cáo gia đình bà N xây tường bao, cổng, trồng cây và làm sân thì đã bị TAND tỉnh Hưng Yên kết luận là không có cơ sở tại Bản án hành chính phúc thẩm số 04/2018/HC-PT ngày 21/11/2018, còn việc xây dựng dầm cầu thì gia đình bà N đã tự tháo dỡ từ năm 2016. Đồng thời, tại Báo cáo số 19/BC-CTUBND ngày 06/10/2020 về việc giải quyết nội dung đơn thư tố cáo của bà Đỗ Thị Đ thì Chủ tịch UBND xã Đ đã khẳng định gia đình anh H (bà N) từ đó đến nay không vi phạm.

Xét thấy, bà Đỗ Thị Đ khiếu nại, tố cáo liên tục, kéo dài từ năm 2010 đến năm 2020, bắt đầu từ việc bà Đ đề nghị UBND huyện K công nhận cho bà được quyền sử dụng đất đối với mương nước trước cửa gia đình bà N nhưng không được chấp nhận. Sau đó, bà Đ khiếu nại, tố cáo gia đình bà N xây dựng công trình lấn chiếm mương nước này. Các cơ quan có thẩm quyền đã xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khiếu kiện của bà theo đúng quy định pháp luật và đều không chấp nhận các nội dung khiếu nại, tố cáo, khiếu kiện của bà. Tuy nhiên, bà Đ vẫn không đồng ý với kết quả giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền và tiếp tục tố cáo. Ngày 12/11/2020, Chủ tịch UBND huyện K ban hành Văn bản số 1092 để trả lời đơn của bà Đ, đồng thời chấm dứt việc tiếp, xem xét, giải quyết đơn của bà Đ liên quan đến nội dung tố cáo trên. Không đồng ý, bà Đ khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Văn bản số 1092. Quá trình giải quyết vụ án hành chính, ngoài cung cấp cho Tòa án Bản tự khai thì bà Đ không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, đồng thời bà Đ có đơn xin từ chối đối thoại và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Như vậy, bà Đ đã không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của người khởi kiện theo quy định tại các Điều 55, 56 Luật tố tụng hành chính.

[2.4]. Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện bà Đ cho rằng đây là đất ao thuộc hộ bà Đ, theo tài liệu do UBND huyện K cung cấp thì năm 2010 bà Đ đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 69 diện tích 171m^2 thì Ủy ban xác định đây là diện tích mương tiêu nước tập thể, không phải đất của hộ bà Đ nên không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Ngày 31/10/2016 bà Đ lại khởi kiện về nội dung không giải quyết đơn khởi kiện thì các nội dung này đã được giải quyết tại Bản án số 04/2018/HC-PT ngày 21/11/2018 của TAND tỉnh Hưng Yên. Đến nay gia đình bà N khẳng định không có vi phạm nào về việc lấn chiếm đất.

Như phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ đề nghị Tòa án hủy Văn bản số 1092; buộc UBND huyện K và Chủ tịch UBND huyện K giải quyết các đơn tố cáo; buộc thực hiện nhiệm vụ công vụ trong giải quyết tố cáo và thông báo kết quả giải quyết tố cáo là có căn cứ pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2.5] Quan điểm của Viện công tố và kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Đỗ Thị Đ là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử: Bác kháng cáo của bà Đỗ Thị Đ.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2025/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

[2] Về án phí phúc thẩm: Bà Đỗ Thị Đ được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hà